

Bản án số 58/2017/HSST
Ngày 17-7-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T - TỈNH QUẢNG NAM

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Lộc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Bá Sang,
2. Ông Trần Tiến Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa: Ông Võ Tấn Triệu, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 52/2017/TLST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. **HĐT (T1)**, sinh năm 1984; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Số 125/15 đường L, khối phố 4, phường A1, thành phố T, tỉnh Quảng Nam; trình độ học vấn: 11/12; nghề nghiệp: Kinh doanh; con ông HTD, sinh năm 1954 và bà TTTD, sinh năm 1958; có vợ tên là HTCH, sinh năm 1986 và có 02 con (lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2014); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân:

- Ngày 21-12-2004, bị Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam xử phạt 09 tháng tù, cho hưởng án treo về tội: “*Không tố giác tội phạm*”;

- Ngày 30-11-2006, bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xử phạt 24 tháng tù về tội: “*Cố ý gây thương tích*”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 25-10-2007;

Bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 15-8-2016, ngày 18-01-2017 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại.

2. **HVN**, sinh năm 1990; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Số 125/15 đường L, khối phố 4, phường A1, thành phố T, tỉnh Quảng Nam; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Kinh doanh; con ông HTD, sinh năm 1954 và bà TTTD, sinh năm 1958; có vợ tên là HTH, sinh năm 1995 và có 01 con sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Chưa; bị bắt, tạm giam ngày 15-8-2016, ngày 18-01-2017 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại.

3. **PQT (T2)**, sinh năm 1984; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Số 231/3 đường T, phường A2, thành phố T, tỉnh Quảng Nam; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; con ông PĐH, sinh năm 1960 và bà CTT, sinh năm 1966; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 26-01-2010, bị Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam xử phạt 18 tháng tù, cho hưởng án treo về tội: “*Tổ chức đánh bạc*”; bị bắt, tạm giam ngày 15-8-2016, ngày 18-01-2017 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại.

4. **NVD**, sinh năm 1987; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn N, xã A2, huyện H, tỉnh B; chỗ ở hiện nay: Tổ 2, khối phố P, phường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; con ông NVO, sinh năm 1953 và bà LTS, sinh năm 1953; có vợ tên là HTML, sinh năm 1988 và có 01 con sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Chưa; bị bắt, tạm giam ngày 15-8-2016, ngày 18-01-2017 được thay đổi bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại.

5. **LTTV**, sinh năm 1991; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Khối phố 5, phường A2, thành phố T, tỉnh Quảng Nam; chỗ ở hiện nay: Khối phố 9, phường A1, thành phố T, tỉnh Quảng Nam; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động phổ thông; con ông LPD, sinh năm 1970 và con bà NTT, sinh năm 1973; có chồng tên là PPL, sinh năm 1985 và có 01 con sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Chưa; đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại.

6. **VCK**, sinh năm 1990; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Khối phố 4, phường A1, thành phố T, tỉnh Quảng Nam; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Công nhân; con ông VCH, sinh năm 1957 và bà VTTA, sinh năm 1957; tiền án, tiền sự: Chưa; đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại.

7. **VQT (T3)**, sinh năm 1982; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn V, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam; chỗ ở hiện nay: Khối phố 8, phường A1, thành phố T, tỉnh Quảng Nam; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: hợp đồng lao động làm việc tại Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất T; là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, bị đình chỉ sinh hoạt đảng từ ngày 05-6-2017; con ông VQH, sinh năm 1954 và bà DTBH, sinh năm 1954; có vợ tên là PTTT, sinh năm 1986; tiền án, tiền sự: Chưa; đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại.

Các bị cáo đều có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ NLQ1, sinh năm 1986; trú tại: Số 231A đường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

2/ NLQ2, sinh năm 1984; trú tại: Thôn P, xã T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

NHẬN THẤY:

Các bị cáo HĐT, HVN, PQT, NVD, LTTV, VCK và VQT bị Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Quảng Nam truy tố về các hành vi sau:

Vào lúc 00 giờ 30 phút ngày 15-8-2016, Cục C47 Bộ Công an phối hợp với Công an tỉnh Quảng Nam tiến hành kiểm tra quán bar D tại lô số 10-11, đường T, phường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Kết quả đã phát hiện 11 người dương tính với ma túy và thu giữ 02 mẫu ma túy tổng hợp nhóm MDMA có tổng trọng lượng là 0,9052 gam và 05 mẫu Heroin có tổng trọng lượng là: 0,904 gam; cùng nhiều đồ vật tài sản khác gồm: 01 CPU máy tính, 04 thùng carton bên trong đựng dụng cụ sử dụng shisha và 253 chai rượu các loại do nước ngoài sản xuất. Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Nam đã phối hợp với Cục C47 Bộ Công an bắt khám xét khẩn cấp 04 đối tượng về hành vi đánh bạc gồm các bị cáo HDT, HVN, PQT và NVD. Tang vật tạm giữ gồm có:

* Thu giữ của bị cáo HDT: 01 chiếc điện thoại di động Iphone5 có số IMEI: 358201509185074; 01 Ipad 16GB có số IMEI: 0132112002230957; 01 Ipad 32GB có số Serial: DLXFMA21DKPJ; 01 thẻ ATM Ngân hàng AGRIBANK mang tên PHAN L, số thẻ: 9704 0507 7745 3783; 01 thẻ ATM Ngân hàng ACB mang tên T1, số thẻ: 9704 1620 0027 5865; 01 thẻ ATM Ngân hàng Đông Á mang tên T1; 01 thẻ ATM Ngân hàng Vietcombank mang tên NGUYEN QUOC T, số thẻ: 97043668 04550372 032; 01 sổ ghi chép cá cược bóng đá; 02 giấy chứng nhận đăng ký xe máy biển kiểm soát 92B1-X1 và 92L9-X2; tiền VNĐ: 1.000.000.000 đồng (Cơ quan điều tra đã trả lại cho T1 - BL 164); tiền VNĐ: 34.600.000 đồng; 01 xe ô tô biển kiểm soát 92A-X3 (chủ sở hữu HVN), Cơ quan điều tra đã trả lại cho N.

* Thu giữ của bị cáo HVN: 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6 có số IMEI: 354444067141251 có sim thuê bao số 0967600006; 01 chiếc điện thoại di động Iphone 5 số số IMEI: 013350007305695 có sim thuê bao số: 0935536921; 01 Ipad Model A1432, Serial: DQTKCUH4F193; 02 thẻ ATM Ngân hàng Vietcombank mang tên HVN, số thẻ: 4283 1000 0099 3681 và 97043668 07101478 026; 01 thẻ ATM Ngân hàng DONGA Bank mang tên HVN, số thẻ: 9704 0611 2942 7797; 06 tờ giấy mượn tiền và nhận tiền; 17 tờ hóa đơn, giấy nộp tiền (chứng từ giao dịch Ngân hàng); tiền VNĐ: 36.000.000 đồng.

* Thu giữ của bị cáo PQT: 01 chiếc điện thoại di động Samsung cùng 2 sim điện thoại số 0904072072 và 0905004858; 01 CPU máy tính hiệu Jetek; 01 CMND mang tên T2; 25 tờ giấy được ghi các tên và con số (T BV, B, T, Bác T, T, L, H, T, V, B, Tr, T, L, C T, L, D D, C D, L, T, B, D.....); 02 cuốn sổ nhỏ màu xanh được ghi chép những con số.

* Thu giữ của bị cáo NVD: 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6 có số IMEI: 352066062620401 có sim thuê bao số 0915004444; 01 chiếc điện thoại di động Iphone 5 có số IMEI: 013631003033823 có sim thuê bao số: 0902986736; 02 chiếc điện thoại di động NOKIA có IMEI lần lượt là: 356472/06/443429/4, 359968/05/082708/03; 02 sim điện thoại di động Mobiphone số 0935234017 và 0935567605 chưa qua sử dụng; 01 sim Viettel chưa qua sử dụng; 01 thẻ ATM Ngân hàng AGRIBANK mang tên NTHT, số thẻ: 9704 0507 5427 3295; 02 giấy chứng nhận đăng ký xe máy biển kiểm soát 92L8-X4 và 92B1-X5; 01 Chứng minh nhân dân mang tên NVD; tiền VNĐ: 50.000.000 đồng; tiền Mỹ: 100USD; tiền Úc: 100 đô (2 tờ 50 đô).

* Thu giữ tại Quán bar D thuộc Công ty TNHH MTV K do bị cáo HVN làm Giám đốc: 01 CPU máy tính màu đen tại quầy thu ngân tầng 1; 04 thùng bìa carton bên trong đựng các dụng cụ sử dụng shisha tại tầng 1; 01 đầu thu camera tại phòng kỹ thuật tầng 2; 02 mẫu ma túy tổng hợp nhóm MDMA (Ecstasy) có tổng trọng lượng là 0,9052 gam và 05 mẫu Heroin có tổng trọng lượng là: 0.904 gam.

Quá trình điều tra đã xác định:

Quán Bar D thuộc Công ty TNHH K do bị cáo HVN làm Giám đốc, các đối tượng trên có dấu hiệu của việc phạm tội: Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy; đánh bạc và tổ chức đánh bạc. Ngày 22-8-2016, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Nam đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự về hành vi: Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy; tổ chức đánh bạc và đánh bạc. Đồng thời ra Quyết định khởi tố bị can và lệnh tạm giam đối với T1 về hành vi tổ chức đánh bạc và đánh bạc; tạm giam đối với: HVN, T2 và NVD về hành vi đánh bạc. Ngày 16-01-2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an đã ra quyết định khởi tố bị can về tội đánh bạc và lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị can gồm: T3, LTTV và VCK. Ngày 18-01-2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an ra Quyết định thay đổi quyết định khởi tố bị can số 02/C47-P8 về việc thay đổi tội: “*Tổ chức đánh bạc*” theo Điều 249 Bộ luật Hình sự năm 1999 sang tội: “*Đánh bạc*” theo Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với T1.

I. Về hành vi đánh bạc của các bị cáo:

1. Đối với các bị cáo T1 và T2:

Vào tháng 6-2016, bị cáo T1 nhận tài khoản cá độ bóng đá có ký hiệu TY57 của người đàn ông tên L (không rõ lai lịch) tại thành phố Đà Nẵng, sau đó T1 chia ra các tài khoản nhỏ khác nhau, trong đó có tài khoản TY57BB, bị cáo T1 giao cho bị cáo T2. Việc đặt cược cũng như tiền thắng thua, các bị cáo quy ước là đô, 1 đô có giá trị bằng 16.000 đồng, tiền com (tiền hoa hồng) trong các lần đặt cược T2 được hưởng bằng 5 lần tiền com gốc. Sau khi nhận tài khoản cá độ bóng đá từ T1, bị cáo T2 đã chia tài khoản này ra làm 08 tài khoản nhỏ gồm: TY57BB01000, TY57BB01333, TY57BB01002, TY57BB01222, TY57BB02006, TY57BB03677, TY57BB04102 và TY57BB02002 để thực hiện việc đặt cược cá độ bóng đá. Trên cơ sở lời khai của các bị cáo T1, T2 và dữ liệu các trận cá độ bóng đá có trong tài khoản TY57BB01002 mà C50 Bộ Công an đã khôi phục được từ máy tính khi khám xét thu giữ của các bị cáo vào ngày 15-8-2016, đã xác định hành vi đánh bạc của các bị cáo qua tài khoản có ký hiệu TY57BB01002 như sau:

Ngày 14-8-2016, bị cáo T2 đã thực hiện 05 lượt đặt cược cá độ bóng đá trong 02 trận bóng đá. Trong đó có 01 trận thuộc giải bóng đá Nhật Bản, diễn ra giữa đội Fagiano Okayama và Kamatanare Sanuki, bị cáo đặt cược cá độ với bị cáo T1, tổng số tiền đặt cược là $200 \text{ đô} \times 16.000\text{đ}/\text{đô} = 3.200.000 \text{ đồng}$; số tiền thắng cược là $180,5 \text{ đô} \times 16.000\text{đ}/\text{đô} = 2.888.000\text{đồng}$; số tiền hoa hồng được hưởng là 0 đồng. Như vậy, bị cáo T2 phải chịu trách nhiệm hình sự về tội đánh bạc trong lần này với số tiền: $3.200.000 \text{ đồng} + 2.888.000\text{đồng} = 6.088.000 \text{ đồng}$. Bị cáo T2 đã thu lợi bất chính số tiền: 2.888.000 đồng. Bị cáo T1 phạm tội đánh bạc với số tiền: 6.088.000 đồng. Đối với trận Avispa Fukuoka và Kashima Antlers, bị cáo T2 đặt

cược với số tiền 100 đô x 16.000 đồng = 1.600.000 đồng, trận này hòa nên không thu lợi bất chính, trận đấu này với tiền tham gia đánh bạc không đủ để xử lý hình sự, nhưng được xem là tình tiết của vụ án.

Ngoài ra, quá trình điều tra, bị cáo T1 còn khai nhận việc giao các tài khoản cá độ bóng đá cho các bị cáo trong vụ án là N, D và đối tượng C1 ở thành phố T. Tuy nhiên, các bị cáo không nhớ cụ thể số tiền và số trận đấu bóng đá đã thực hiện cá độ, hơn nữa căn cứ kết quả khai thác dữ liệu từ các thiết bị điện tử thu được của các bị cáo chỉ thể hiện việc bị cáo T1 đã giao tài khoản cá độ bóng đá cho bị cáo T2, không còn dữ liệu nào khác liên quan đến việc bị cáo T1 giao tài khoản cá độ bóng đá cho các bị cáo N, D và C1. Quá trình thi hành lệnh bắt khám xét, Cơ quan điều tra đã thu giữ 01 quyển sổ thể hiện việc bị cáo T1 chia tài khoản và giao tài khoản cá độ bóng đá và số tiền thanh toán thắng thua; thu giữ của bị cáo T2 02 cuốn sổ nhỏ, 25 tờ giấy ghi các tên và con số, tuy nhiên do không thể hiện cụ thể về số tiền và các trận bóng đá đã cá độ nên không có cơ sở để xử lý. Đối với người đàn ông tên L (không rõ lai lịch) và đối tượng C1 đã tiến hành xác minh nhưng không có mặt tại địa phương nên không có cơ sở để xử lý.

2. Đối với hành vi đánh bạc bằng hình thức lô, đề và cá độ bóng đá của các bị cáo HVN, NVD, VCK, VQT và LTTV:

Dựa vào kết quả xổ số kiến thiết các tỉnh Miền Trung, Tây Nguyên và các tỉnh Miền Bắc các đối tượng trên đã nhận cá cược của người chơi lô đề, phương thức đánh bạc như sau:

- Đánh đề là: Người chơi tự chọn từ số 00 đến 99 và số tiền đánh đề. Số đề đã chọn được so với hai số cuối cùng của giải đặc biệt dựa trên kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc và hai số của giải 8 đối với kết quả của các giải xổ số kiến thiết Miền Trung mở thưởng trong ngày. Nếu số đề đã chọn trùng với hai số cuối cùng của giải đặc biệt hoặc giải 8 là người chơi trúng đề và được số tiền gấp 91 lần số tiền người chơi đã đánh.

- Đánh đề 3 càng: Người đánh tự chọn ba số từ 000 đến 999 và số tiền đánh lô. Số đề đã chọn được so với 3 số cuối của tất cả các giải đặc biệt dựa trên kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc và kết quả xổ số Kiến thiết Miền Trung mở thưởng trong ngày. Nếu số đề đã chọn trùng với ba số cuối của giải đặc biệt nào là trúng đề. Khi trúng thì số tiền khách trúng được nhân với 500 lần số tiền đã bỏ ra chơi.

- Đánh lô: Người đánh tự chọn số từ 00 đến 99 và số tiền đánh lô. Số lô đã chọn được so với 2 số cuối của tất cả các giải (từ giải đặc biệt đến giải 7) dựa trên kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc và so với 2 số cuối của tất cả các giải (từ giải đặc biệt đến giải 8) dựa trên kết quả xổ số kiến thiết Miền Trung mở thưởng trong ngày. Nếu số lô đã chọn trùng với hai số cuối bất kỳ của giải nào là trúng lô. Khi trúng lô thì số tiền khách trúng được nhân với 5 lần số tiền đã bỏ ra chơi.

- Đánh lô xiên: Người đánh lô xiên tự chọn 2 hoặc 3 hoặc 4 cặp lô xiên từ 00 đến 99 và số tiền đánh lô xiên. Cặp lô xiên đã chọn được so với 2 số cuối của tất cả các giải kết quả xổ số nêu trên mở thưởng trong ngày. Nếu các số trong cặp số lô xiên đã chọn đều có trong bảng kết quả xổ số mở thưởng trong ngày là trúng lô xiên:

+ Đánh lô xiên 2, nếu trúng thì được số tiền gấp 13 lần số tiền đã đánh.

+ Đánh lô xiên 3, nếu trúng thì được số tiền gấp 30 lần số tiền đã bỏ ra; đánh lô xiên 4, bị cáo không nhớ rõ.

Về hành vi đánh bạc bằng hình thức cá độ bóng đá: Bị cáo N có quen biết với C2 (tên gọi khác là B) nên trước khi có các trận đấu bóng đá diễn ra, C2 nhắn tin cho bị cáo N về các kèo cá độ bóng đá sắp diễn ra. Sau đó, bị cáo N đã chuyển lại các tin nhắn này cho bị cáo V để bị cáo V thực hiện việc đặt cược cá độ bóng đá với bị cáo N. Ngoài ra, bị cáo N còn nhận tài khoản cá độ bóng đá ký hiệu TY03 của bị cáo T1 để giao cho bị cáo K thực hiện việc cá độ. Căn cứ vào dữ liệu tin nhắn khôi phục từ điện thoại di động thu giữ của các bị cáo do C50 Bộ Công an cung cấp, lời khai của các bị cáo đã thể hiện việc phạm tội đánh bạc bằng hình thức lô đề, cá độ bóng đá. Cụ thể như sau:

2.1. Đối với hành vi đánh bạc của bị cáo K:

Bị cáo K đã thỏa thuận với bị cáo N khi chuyển các con số lô, số đề cho bị cáo N để hưởng tiền hoa hồng (8% trên tổng số tiền mua số lô, số đề mỗi ngày) cũng như nhận tài khoản TY03 để cá độ bóng đá hưởng tiền hoa hồng và tiền thắng thua. Khi số tiền thắng thua lên đến 10.000.000 đồng thì bị cáo K và bị cáo N phải thanh toán cho nhau. Cụ thể:

- Đối với hành vi đánh bạc bằng hình thức lô đề: Trong các ngày từ 11 đến 14 tháng 8 năm 2016, bị cáo K đã chuyển các số lô, số đề cho bị cáo N, trong đó có 02 ngày 13 và 14 tháng 8 năm 2016 với số tiền của mỗi ngày đủ yếu tố cấu thành tội đánh bạc với tổng số tiền các ngày như sau:

+ Ngày 13-8-2016 tổng số tiền chơi lô đề bị cáo K chuyển cho bị cáo N là 5.490.000đ, số tiền trúng thưởng là 4.000.000đ (lô 04; 25 Đà Nẵng, lô 32 Quảng Ngãi), tiền hoa hồng K được hưởng là 440.000đ. Số tiền bị cáo K phải trả cho bị cáo N là: $5.490.000đ - (4.000.000đ + 440.000đ) = 1.050.000đ$. Bị cáo K phải chịu trách nhiệm hình sự trong lần đánh bạc này với số tiền là: $5.490.000 + 4.000.000đ = 9.490.000đ$.

+ Ngày 14-8-2016 tổng số tiền chơi lô đề bị cáo K chuyển cho bị cáo N là 6.640.000đ, số tiền trúng thưởng là 1.500.000đ (lô 32 Khánh Hòa; lô 69 Kon Tum), tiền hoa hồng K được hưởng là 531.200đ. Số tiền K phải trả cho N là: $6.640.000đ - (1.500.000đ + 531.200đ) = 4.608.800đ$. Quá trình phạm tội của mình, bị cáo K phải chịu trách nhiệm hình sự trong lần đánh bạc này với số tiền là: $6.640.000đ + 1.500.000đ = 8.140.000đ$. Do đó, bị cáo ỳ đã bị thua và phải trả cho bị cáo N số tiền là: $1.050.000đ + 4.608.800đ = 5.658.800đ$. Như vậy, ngày 13 và 14 tháng 8 năm 2016, bị cáo K phạm tội đánh bạc với tổng số tiền là: $9.490.000đ + 8.140.000đ = 17.630.000đ$.

Ngoài ra, vào ngày 11-8-2016 tổng số tiền chơi lô đề bị cáo K chuyển cho bị cáo N là 2.470.000 đồng, số tiền trúng thưởng là 2.000.000 đồng, tiền hoa hồng bị cáo K được hưởng là 200.000 đồng, số tiền thực tế bị cáo K phải trả cho bị cáo N là: 270.000 đồng. Ngày 12-8-2016, tổng số tiền chơi lô đề bị cáo K chuyển cho bị cáo N là 3.130.000 đồng, số tiền trúng thưởng là 500.000 đồng, tiền hoa hồng K được hưởng là 250.000 đồng, số tiền thực tế K phải trả cho N là: 2.380.000 đồng.

Do số tiền đánh bạc trong hai ngày không đủ để cấu thành tội đánh bạc nên không xử lý hình sự, nhưng được xem là tình tiết của vụ án.

Trong 04 ngày, bị cáo K đã thua bị cáo N số tiền chơi lô, đề là: $5.658.800đ + 270.000đ + 2.380.000đ = 8.308.800đ$. Do chưa đến 10.000.000đ nên bị cáo K đã điện cho bị cáo N hẹn khi đủ 10.000.000đ sẽ trả cho bị cáo N.

- Đối với hành vi đánh bạc bằng hình thức cá độ bóng đá: Bị cáo N khai nhận tài khoản cá độ bóng đá ký hiệu TY03, bị cáo N nhận từ bị cáo T1 rồi giao cho bị cáo K để thực hiện đặt cược cá độ bóng đá. Tuy nhiên, sau khi nhận tài khoản, bị cáo K chỉ thực hiện đặt cược cá độ một hoặc hai trận đấu bóng đá với số tiền 100.000 đồng đến 200.000 đồng, các bị cáo K và N không nhớ cụ thể số tiền đặt cược, trận đấu bóng đá đặt cược. Đồng thời theo dữ liệu do C50 cung cấp không thể hiện các lần đặt cược tại tài khoản TY03 nên không đủ cơ sở chứng minh các bị cáo K, N đánh bạc bằng hình thức cá độ bóng đá qua mạng internet.

2.2. Đối với hành vi đánh bạc của bị cáo V:

Bị cáo V đã thỏa thuận về việc cá độ bóng đá với bị cáo N để hưởng tiền hoa hồng (2,5% trên tổng số tiền đặt cược cá độ bóng đá mỗi ngày) và tiền thắng thua trước khi đặt cược cá độ. Do đó, trước khi có các trận đấu bóng đá diễn ra, bị cáo N xin C3 các kèo cá độ bóng đá qua tin nhắn điện thoại, sau đó chuyển các nhắn tin này đến cho bị cáo V để bị cáo V chọn kèo cá độ, số tiền cá độ và nhắn tin lại cho bị cáo N để xác nhận việc đặt cược cá độ bóng đá. Các bị cáo V và N tham gia đánh bạc bằng hình thức cá độ bóng đá với nhau nhiều lần, trong đó có 02 lần cá độ, cụ thể như sau:

- Ngày 10-7-2016, tổng số tiền bị cáo V đặt cược cá độ bóng đá với bị cáo N trong trận đấu giữa đội Pháp và Bồ Đào Nha là 15.000.000 đồng, số tiền bị cáo V thắng là 12.750.000 đồng, tiền hoa hồng bị cáo V được hưởng là 375.000 đồng, bị cáo N phải trả cho bị cáo V là: $12.750.000đ + 375.000đ = 13.125.000đ$. Do đó, số tiền bị cáo V phải chịu trách nhiệm hình sự trong lần đánh bạc này là: $15.000.000đ + 12.750.000đ = 27.750.000đ$.

- Ngày 13-8-2016, tổng số tiền bị cáo V đặt cược cá độ bóng đá trong ba trận đấu với bị cáo N là 29.000.000 đồng (cụ thể V đặt cược "Duoi Palace 6c" nghĩa là 6 triệu đồng, "Xiu Duc 8c" nghĩa là 8 triệu đồng, "Duoi Duc 6c" nghĩa là 6 triệu đồng, "Duoi Nigieria 9c" nghĩa là 9 triệu đồng), trong đó có 01 trận đấu V đặt cược thắng với số tiền là 5.400.000 đồng (là trận Palace 6 triệu đồng), hai trận đấu còn lại V thua với số tiền là 22.150.000 đồng, tiền hoa hồng V được hưởng là 725.000 đồng. Bị cáo V thua và phải trả bị cáo N là $22.150.000đ - 5.400.000đ - 725.000đ = 16.025.000đ$. Do đó, số tiền bị cáo V phải chịu trách nhiệm hình sự trong lần đánh bạc này là: $29.000.000đ + 5.400.000đ = 34.400.000đ$.

Như vậy, vào các ngày 10-7-2016 và ngày 13-8-2016, bị cáo V phạm tội đánh bạc với tổng số tiền là: $27.750.000đ + 34.400.000đ = 62.150.000đ$.

2.3. Đối với hành vi đánh bạc của bị cáo N:

Bị cáo N là người nhận số lô, số đề của bị cáo VCK và cá độ bóng đá của bị cáo V, đồng thời thỏa thuận việc thanh toán tiền thắng thua, tiền % hoa hồng với

các bị cáo K và V. Căn cứ lời khai nhận tội của các bị cáo N, K và V, có đủ cơ sở xác định bị cáo N đánh bạc với các bị cáo K và V trong các ngày 10-7-2016, 13-8-2016 và ngày 14-8-2016 với tổng số tiền phải chịu trách nhiệm hình sự là: 79.780.000 đồng, trong đó: N tham gia đánh bạc với K là 17.630.000 đồng, với V là 62.150.000 đồng

Số tiền bị cáo N đã thu lợi bất chính từ việc đánh bạc với bị cáo V số tiền là: 16.025.000đ - 13.125.000đ = 2.900.000đ, đối với hành vi đánh bạc giữa các bị cáo N và K, bị cáo N thắng bị cáo K với tổng số tiền 8.308.800 đồng, nhưng bị cáo K chưa trả cho bị cáo N nên không coi đây là số tiền thu lợi bất chính.

Ngoài ra, quá trình điều tra, bị cáo N còn khai nhận đánh bạc bằng hình thức cá độ bóng đá và lô, đề với người tên T4 (không rõ lai lịch) ở thành phố Đà Nẵng. (N đã mượn điện thoại di động của NLQ1, sinh năm 1986, trú tại 231^a đường Hùng Vương, thành phố T để cho T4 mượn tham gia đánh bạc với N). Do N không xác định rõ địa chỉ của T4 nên không có cơ sở xác minh, làm rõ để xử lý.

2.4. Đối với hành vi đánh bạc của các bị cáo D và T3:

Do bị cáo D thường đến quán cà phê V của bị cáo T3, biết D làm số lô nên T3 nói với D cho T3 nhắn tin mua số lô, đề. Hai bên thống nhất số tiền thực tế D nhận của T3 bằng 93% trên tổng số tiền mà T3 mua số lô. T3 đã nhiều lần chơi số lô với D nhưng T3 chỉ nhớ ngày 21-6-2016, T3 nhắn tin cho D mua số lô 49 theo giải xổ số kiến thiết Miền Bắc với số tiền 10.000.000 đồng, D đã nhắn tin cho T3 đồng ý nhận. Sau khi nhận số lô cùng với số tiền của T3, D đã chuyển các số lô và số tiền này đến cho người đàn ông tên là A nhà ở đường Phan Chu Trinh, thành phố T, tỉnh Quảng Nam để hưởng tiền hoa hồng. Kết quả mở thưởng xổ số, T3 không trúng thưởng số lô 49. Ngày 22-6-2016, D đến quán cà phê của T3 thu 9.300.000 đồng rồi chuyển cho ông A số tiền là 9.200.000đ, D hưởng lợi 100.000đ.

Như vậy, vào ngày 21-6-2016, các bị cáo D và T3 tham gia đánh bạc bằng hình thức chơi số lô, đề với số tiền đánh bạc là: 9.300.000 đồng. Bị cáo D đã thu lợi bất chính số tiền 100.000 đồng.

Ngoài ra, bị cáo D còn khai nhận có chơi lô, đề với NLQ2 (sinh năm 1984, trú tại thôn P, xã T, thành phố T) với số tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng nhưng không nhớ rõ là bao nhiêu lần và bao nhiêu tiền nên không có cơ sở xử lý.

II. Đối với hành vi tổ chức đánh bạc:

Vào khoảng tháng 6-2016, bị cáo T1 có nhận tài khoản cá độ bóng đá ký hiệu TY57 của người đàn ông tên L (không rõ lai lịch) ở thành phố Đà Nẵng, sau đó T1 chia ra các tài khoản gồm TY57BB, TY5758, TY5703 rồi giao cho các bị cáo T2, D và N. Ngoài ra, bị cáo N còn giao cho đối tượng Y một số tài khoản khác ở thành phố T. Qua việc thi hành lệnh bắt khám xét đối với bị cáo T1, đã thu giữ 01 quyển sổ thể hiện việc bị cáo T1 chia tài khoản và giao tài khoản cá độ bóng đá và số tiền thanh toán thắng thua, do không thể hiện cụ thể các trận bóng đá đã cá độ và T1 không nhớ rõ. Mặt khác, kết quả khai thác dữ liệu từ các thiết bị điện tử thu được của các bị cáo chỉ thể hiện việc T1 đã giao tài khoản cá độ bóng đá cho bị cáo T2, trong đó có tham gia đánh bạc với số tiền 6.088.000 đồng. Ngoài ra,

không còn dữ liệu nào khác liên quan đến việc T1 giao tài khoản cá độ bóng đá cho các bị cáo N và D, nên không có cơ sở xử lý về hành vi tổ chức đánh bạc đối với bị cáo T1. Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an đã ra quyết định thay đổi quyết định khởi tố vụ án hình sự để điều tra về các tội: “*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*” và tội: “*Đánh bạc*” là phù hợp với quy định của pháp luật.

III. Đối với việc chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy:

Trên cơ sở lời khai của các bị cáo N và T1, lời khai các đối tượng liên quan và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở xác định: Quán bar D thuộc Công ty TNHH MTV K do bị cáo N làm Giám đốc đứng tên kinh doanh và quản lý quán Bar, còn bị cáo T1 phụ trách việc nhập hàng hóa, sửa chữa, đầu tư trang thiết bị, hoạch toán kinh doanh. Quá trình hoạt động của quán Bar đúng quy định. Mặt khác, lời khai các đối tượng dương tính với chất ma túy thể hiện việc họ đã sử dụng ma túy trước khi đến quán bar hoặc tự đem ma túy đến quán bar để sử dụng. Do đó, chưa đủ cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự về tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo quy định. Cơ quan Cảnh sát điều tra C47 Bộ Công an đã ra Quyết định tách hồ sơ vụ án hình sự đối với hành vi: Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy để tiếp tục điều tra, xử lý sau.

Đối với 11 đối tượng dương tính với các chất ma túy, Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Quảng Nam đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền đối với 11 đối tượng sử dụng ma túy nêu trên là phù hợp.

IV. Đối với 253 chai rượu thu giữ tại quán Bar D:

Quá trình điều tra xác định 156 chai rượu do nước ngoài sản xuất không có hóa đơn chứng từ, có tem hoặc không có tem do Bộ Tài chính phát hành, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Nam đã ra quyết định tiêu hủy và đã tiêu hủy 156 chai rượu này theo quy định; đồng thời, đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Công ty TNHH MTV K với số tiền 20.000.000 đồng. Số rượu còn lại 97 chai có hóa đơn chứng từ và tem do Bộ Tài chính phát hành, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Nam đã ra quyết định trả lại cho Công ty TNHH MTV K theo quy định.

Tại bản cáo trạng số 48/CT-VKS ngày 25 tháng 5 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố T đã truy tố các bị cáo T1, HVN, T2, NVD, LTTV, VCK và T3 về tội: “*Đánh bạc*” theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo T1, HVN, T2, NVD, LTTV, VCK và T3 về tội: “*Đánh bạc*”, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2009) xử phạt bị cáo T1 từ 03 tháng đến 06 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2009) xử phạt bị cáo HVN từ 03 tháng đến 06 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2009) xử phạt bị cáo T2 từ 03 tháng đến 06 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2009) xử phạt bị cáo NVD từ 03 tháng đến 06 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 30 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo LTTV từ 30 triệu đồng đến 40 triệu đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 30 Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2009) xử phạt bị cáo VCK từ 20 triệu đồng đến 25 triệu đồng.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 30 Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2009) xử phạt bị cáo T3 từ 10 triệu đồng đến 15 triệu đồng.

Áp dụng khoản 3 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2009) xử phạt bổ sung bằng tiền:

+ Đối với bị cáo T1 từ 10 triệu đồng đến 15 triệu đồng.

+ Đối với bị cáo HVN từ 25 triệu đồng đến 30 triệu đồng.

+ Đối với bị cáo T2 từ 10 triệu đồng đến 15 triệu đồng.

+ Đối với bị cáo NVD từ 10 triệu đồng đến 15 triệu đồng.

Đề nghị áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999 để áp dụng biện pháp tư pháp và căn cứ vào Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 xử lý vật chứng vụ án.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, người tham gia tố tụng;

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa, các bị cáo T1, HVN, T2, NVD, LTTV, VCK và T3 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, đối chiếu lời khai của các bị cáo, của những người liên quan cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Vào tháng 6-2016, bị cáo T1 nhận 01 tài khoản cá độ bóng đá kí hiệu TY57 của người đàn ông tên L (không rõ lai lịch) ở thành phố Đà Nẵng, sau đó chia thành nhiều tài khoản nhỏ, trong đó có 01 tài khoản giao cho bị cáo T2 quản lý. Sau khi nhận tài khoản cá độ bóng đá từ bị cáo T1, bị cáo T2 chia ra thành nhiều tài khoản nhỏ khác nhau. Trong ngày 14-8-2016, bị cáo T2 đặt cược cá độ với bị cáo T1 02 trận, trong đó cá cược 01 trận với số tiền 6.088.000 đồng, bị cáo T2 thu

lợi bất chính 2.888.000 đồng, trận còn lại với số tiền 1.600.000 đồng nên Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự.

Các bị cáo N, D, K, T3 và V tham gia đánh bạc với hình thức cá độ bóng đá và đánh số lô đề, cụ thể:

- Bị cáo N là người nhận số lô đề của bị cáo K và nhận cá độ bóng đá của bị cáo V và người tên T4 (không rõ lai lịch) ở thành phố Đà Nẵng, thỏa thuận tiền thắng thua, hoa hồng với hai bị cáo K và V, trong các ngày 10-7-2016, 13-8-2016 và 14-8-2016, bị cáo N tham gia đánh bạc với tổng số tiền 79.780.000 đồng, trong đó tham gia đánh bạc với bị cáo K với số tiền 17.630.000 đồng, tham gia đánh bạc với bị cáo V với số tiền 62.150.000 đồng, bị cáo N thu lợi bất chính số tiền 2.900.000 đồng.

- Các bị cáo T3 và D thỏa thuận việc đánh bạc bằng hình thức số lô đề, hai bên thống nhất số tiền thực tế nhận là 93% trên tổng số tiền đánh bạc. Ngày 21-6-2016, bị cáo T3 nhắn tin cho bị cáo D mua số lô 49 theo giải xổ số kiến thiết Miền Bắc với số tiền 10.000.000 đồng và bị cáo D nhận số lô đề trên, vì vậy số tiền hai bị cáo này đánh bạc là 9.300.000 đồng, bị cáo D chuyển cho người tên A (không rõ lai lịch) số tiền 9.200.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 100.000 đồng.

Như vậy, các bị cáo T1, HVN, T2, NVD, LTTV, VCK và T3 đã có hành vi đánh bạc trái phép với số tiền đánh bạc mỗi lần trên 5 triệu đồng đã đủ yếu tố cấu thành tội: "*Đánh bạc*", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009). Trong đó, các bị cáo T1, N, D có hành vi tổ chức đánh bạc, tuy nhiên hành vi tổ chức đánh bạc của các bị cáo không thuộc trường hợp có quy mô lớn, nên theo Nghị quyết số 01/2010/NQ-HĐTP ngày 22-10-2010 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thì các bị cáo phạm tội đánh bạc với vai trò đồng phạm.

Bản cáo trạng số 48/CT-VKS ngày 25 tháng 5 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố T đã truy tố đối với các bị cáo, là có căn cứ và đúng pháp luật.

Các bị cáo đều là người có đủ năng lực nhận thức được hành vi cá độ bóng đá, đánh số lô đề trái phép là các hành vi vi phạm pháp luật, là tệ nạn xã hội lôi kéo nhiều người tham gia, nguyên nhân phát sinh nhiều loại tội phạm khác như chiếm đoạt tài sản, đòi nợ thuê, cố ý gây thương tích..., ảnh hưởng nghiêm trọng đến nếp sống văn hóa, trật tự trị an tại địa phương. Pháp luật Nhà nước ta nghiêm cấm và luôn có chế tài xử lý nghiêm minh đối với mọi trường hợp đánh bạc trái phép, đặc biệt là đối với các hành vi sử dụng mạng viễn thông, các thiết bị điện tử phục vụ vào việc đánh bạc trái phép. Tuy nhiên, vì háms lợi nên các bị cáo vẫn bất chấp để thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của các bị cáo là cố ý, nguy hiểm cho xã hội, do đó cần phải xử phạt mức án nghiêm khắc, tương xứng với hành vi các bị cáo đã thực hiện.

Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

- Đối với bị cáo T1 là người đã bị xét xử nhiều lần về tội: “*Không tố giác tội phạm*” và “*Cố ý gây thương tích*”, nên nhận thức rõ về chế tài của pháp luật hình sự, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để rèn luyện, lao động chính đáng, ngược lại bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, dựa vào các trận đấu bóng đá, sử dụng máy tính xách tay có kết nối mạng, tạo lập ra tài khoản để đánh bạc với người khác. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo; tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, chưa có thu lợi bất chính; là lao động chính trong gia đình và có con còn nhỏ, nên xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

- Đối với bị cáo N, bị cáo đánh bạc trái phép với nhiều người trong nhiều ngày với nhiều hình thức, thu lợi bất chính số tiền 2.900.000 đồng, do đó bị cáo phải chịu thêm tình tiết tăng nặng “*Phạm tội nhiều lần*” quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo; tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; chưa có tiền án, tiền sự; là lao động chính trong gia đình và có con còn nhỏ, nên xem xét áp dụng mức hình phạt tù phù hợp đối với bị cáo.

- Đối với bị cáo T2, bị cáo đã bị xử phạt 18 tháng tù cho hưởng án treo về tội: “*Tổ chức đánh bạc*”, tuy nhiên bị cáo không chịu ăn năn hối cải mà tiếp tục thực hiện hành vi đánh bạc trái phép, thu lợi bất chính số tiền 2.888.000 đồng. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội, nên xem xét giảm nhẹ hình phạt tù cho bị cáo.

- Đối với bị cáo D tổ chức đánh bạc trái phép bằng hình thức nhận số lô đề qua tin nhắn điện thoại, sau đó chuyển cho người khác để hưởng lợi, thực tế bị cáo đã nhận của bị cáo T3 ghi số lô đề với số tiền 9.300.000 đồng và đã hưởng lợi bất chính 100.000 đồng. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; là lao động chính trong gia đình và có con còn nhỏ, nên xem xét giảm nhẹ hình phạt tù cho bị cáo.

Ngoài việc xử phạt tù đối với các bị cáo T1, N, T2 và D, xét cần phạt bổ sung bằng tiền để tăng tính răn đe, giáo dục.

- Đối với các bị cáo V và K tham gia cá độ bóng đá với bị cáo N, bị cáo V tham gia đánh bạc trái phép nhiều lần với tổng số tiền 62.150.000 đồng, bị cáo K tham gia đánh bạc trái phép nhiều lần với số tiền 17.630.000 đồng, vì vậy cả hai bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “*Phạm tội nhiều lần*” quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999.

- Đối với bị cáo T3, bị cáo đang làm việc trong môi trường thường xuyên được giáo dục về ý thức chấp hành pháp luật và phải là người gương mẫu trong việc thực hiện nghĩa vụ công dân, tuy nhiên bị cáo không tu dưỡng lối sống, đã tham gia đánh bạc trái phép bằng hình thức đánh số lô đề.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo V, K và T3 đã thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; chưa thu lợi bất chính; chưa có

tiền án, tiền sự, nhân thân tốt, gia đình của bị cáo V có công với cách mạng; cha của bị cáo K tham gia kháng chiến và được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba; bị cáo V hiện đang nuôi con nhỏ.

Xét hành vi của các bị cáo V, K và T3 có mức độ, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nên lựa chọn hình phạt chính bằng tiền để xử phạt đối với các bị cáo cũng đủ tính răn đe, phòng ngừa, vừa tạo điều kiện cho các bị cáo sửa chữa sai lầm, trở thành công dân có ích cho xã hội, vừa thể hiện được tính nhân đạo của pháp luật Nhà nước ta.

Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

1. Đối với các vật, giấy tờ đã tạm giữ của bị cáo T1:

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone5 có số IMEI: 358201509185074, là phương tiện bị cáo đã sử dụng vào việc phạm tội, nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với 01 sổ ghi chép cá cược bóng đá trái phép, nên phải lưu trữ theo hồ sơ vụ án.

- Đối với 01 Ipad 16GB có số IMEI: 0132112002230957; 01 Ipad 32GB có số Serial: DLXFMA21DKPJ; 01 thẻ ATM Ngân hàng AGRIBANK mang tên PHAN L, số thẻ: 9704 0507 7745 3783; 01 thẻ ATM Ngân hàng ACB mang tên T1, số thẻ: 9704 1620 0027 5865; 01 thẻ ATM Ngân hàng Đông Á mang tên T1; 01 thẻ ATM Ngân hàng Vietcombank mang tên NGUYEN QUOC T, số thẻ: 97043668 04550372 032; 02 giấy chứng nhận đăng ký xe máy biển kiểm soát 92B1-X1 và 92L9-X2, đây là những tài sản, giấy tờ không liên quan đến hành vi vi phạm pháp luật, nên trả lại cho bị cáo.

- Đối với số tiền 34.600.000 đồng đã thu giữ của bị cáo, đây là tiền cá nhân của bị cáo T1 không liên quan đến việc phạm pháp, cần trả lại cho bị cáo, tuy nhiên cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án của bị cáo.

2. Đối với các vật, giấy tờ đã tạm giữ của bị cáo N:

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6 có số IMEI: 354444067141251; 01 chiếc điện thoại di động Iphone 5 có số IMEI: 013350007305695; 01 Ipad Model A1432 – Serial: DQTKCUH4F193, đây là các phương tiện mà bị cáo N đã sử dụng vào việc phạm tội, nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước; riêng 02 sim số 0967600006 và 0935536921 liên quan đến việc phạm tội, nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 02 thẻ ATM Ngân hàng Vietcombank mang tên N, số thẻ: 4283 1000 0099 3681 và 97043668 07101478 026; 01 thẻ ATM Ngân hàng DONGA Bank mang tên N, số thẻ: 9704 0611 2942 7797; 06 tờ giấy mượn tiền và nhận tiền; 17 tờ hóa đơn, giấy nộp tiền (chứng từ giao dịch ngân hàng); 01 CPU máy tính màu đen tại quầy thu ngân tầng 1; 01 đầu thu camera tại phòng kỹ thuật tầng 2; 01 laptop hiệu Dell, đây là tài sản, giấy tờ không liên quan đến việc phạm pháp, nên trả lại cho bị cáo.

- Đối với số tiền 36.000.000 đồng đã thu giữ của bị cáo N không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo, tuy nhiên cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án của bị cáo.

3. Đối với vật, giấy tờ đã tạm giữ của bị cáo T2:

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động Samsung và 01 CPU máy tính hiệu Jetek, bị cáo T đã sử dụng vào việc phạm tội, nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước; riêng đối với 02 sim điện thoại số 0904072072 và 0905004858; là phương tiện, vật liên quan đến việc phạm tội, nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với 25 tờ giấy được ghi các tên và con số (TBV, B, T, B T, T, L, H, T, V, B, T, T, L, CT, L, DD, CD, L, T, B, D.....) là vật chứa đựng thông tin về hành vi vi phạm của bị cáo nên phải được lưu trữ theo hồ sơ vụ án.

- Đối với 01 Chứng minh nhân dân mang tên T2; 02 cuốn sổ nhỏ màu xanh được ghi chép những con số là giấy tờ, tài sản cá nhân của bị cáo không liên quan đến việc phạm tội, nên trả lại cho bị cáo.

4. Đối với vật, giấy tờ đã tạm giữ của bị cáo D:

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6 có số IMEI: 352066062620401 liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo D, nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước; riêng 01 sim thuê bao số 0915004444 liên quan đến việc phạm tội, cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 chiếc điện thoại di động Iphone 5 có số IMEI: 013631003033823 có sim thuê bao số: 0902986736; 02 chiếc điện thoại di động NOKIA có IMEI lần lượt là: 356472/06/443429/4, 359968/05/082708/03; 02 sim điện thoại di động Mobiphone số 0935234017 và 0935567605 chưa qua sử dụng; 01 sim Viettel chưa qua sử dụng; 01 thẻ ATM Ngân hàng AGRIBANK mang tên NGUYEN THI HUONG T, số thẻ: 9704 0507 5427 3295; 02 giấy chứng nhận đăng ký xe máy biển kiểm soát 92L8-X4 và 92B1-X5; 01 Chứng minh nhân dân và 02 giấy phép lái xe mang tên NVD; tiền Mỹ: 100USD; tiền Úc: 100 đô (2 tờ 50 đô), là những tài sản, giấy tờ cá nhân không liên quan đến hành vi phạm tội, nên trả lại cho bị cáo.

- Đối với số tiền 50.000.000 đồng đã tạm giữ, là tiền cá nhân của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội, nên trả lại cho bị cáo D, tuy nhiên cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án.

Đối với 04 thùng bìa carton bên trong đựng các dụng cụ sử dụng shisha tại tầng 1; 02 mẫu ma túy tổng hợp nhóm MDMA có tổng trọng lượng là 0,9052 gam và 05 mẫu Heroin có tổng trọng lượng là: 0,904 gam, Cơ quan điều tra Bộ Công an đã tách ra và chuyển cho Cơ quan điều tra Công an tỉnh Quảng Nam tiếp tục điều tra và xử lý trong vụ án chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy.

Đối với khoản tiền thu lợi bất chính của bị cáo T2 là 2.888.000 đồng; của bị cáo N số tiền 2.900.000 đồng; của bị cáo D số tiền 100.000 đồng, cần truy thu sung công quỹ Nhà nước.

Đối với đối tượng tên L tại thành phố Đà Nẵng do không xác định được lai lịch, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với NLQ2 (sinh năm 1984; trú tại thôn Phú Thạnh, xã Tam Phú, Tam Kỳ) có tham gia đánh bạc trái phép với bị cáo D, nhưng NLQ2 không xác định rõ đã tham gia bao nhiêu tiền, và bị cáo D có tham gia đánh bạc với ông A nhưng không rõ lai lịch, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với đối tượng tên C, tại thời điểm xác minh không có mặt tại địa phương, nên không triệu tập làm việc được, nên chưa có cơ sở để xử lý.

Đối với đối tượng tên T4 tại thành phố Đà Nẵng có tham gia đánh bạc với bị cáo N, nhưng không xác định rõ lai lịch, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với NLQ1, sinh năm 1986; trú tại số 231^a đường H, thành phố T cho bị cáo N mượn chiếc điện thoại di động để bị cáo N cho T4 mượn tham gia đánh bạc trái phép với bị cáo N, nhưng B không biết việc bị cáo N sử dụng điện thoại này vào việc phạm tội, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Các bị cáo T1, HVN, T2, LTTV, VCK, NVD và T3 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo T1, HVN, T2, LTTV, VCK, NVD và T3 phạm tội: "*Đánh bạc*".

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Xử phạt bị cáo T1 05 (*Năm*) tháng 08 (*Tám*) ngày tù, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giam trước là 05 tháng 08 ngày (từ ngày 15/8/2016 đến ngày 18/01/2017).

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Xử phạt bị cáo HVN 05 (*Năm*) tháng 08 (*Tám*) ngày tù, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giam trước là 05 tháng 08 ngày (từ ngày 15/8/2016 đến ngày 18/01/2017).

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Xử phạt bị cáo T2 05 (*Năm*) tháng 08 (*Tám*) ngày tù, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giam trước là 05 tháng 08 ngày (từ ngày 15/8/2016 đến ngày 18/01/2017).

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Xử phạt bị cáo NVD 05 (Năm) tháng 08 (Tám) ngày tù, được khấu trừ thời gian đã bị tạm giam trước là 05 tháng 08 ngày (từ ngày 15/8/2016 đến ngày 18/01/2017).

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 30 Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

- Xử phạt bị cáo V 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).
- Xử phạt bị cáo K 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 30 Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Xử phạt bị cáo T3 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Áp dụng khoản 3 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009) phạt bổ sung:

- Bị cáo T1 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).
- Bị cáo N 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).
- Bị cáo D 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng).
- Bị cáo T2 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999; Căn cứ vào Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003. Tuyên:

- Đối với các vật chứng, giấy tờ, tài sản đã tạm giữ của bị cáo T1:

+ Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động hiệu Iphone5 có số IMEI: 358201509185074.

+ Trả lại cho bị cáo T1 01 Ipad 16GB có số IMEI: 0132112002230957; 01 Ipad 32GB có số Serial: DLXFMA21DKPJ; 01 thẻ ATM Ngân hàng AGRIBANK mang tên PHAN L, số thẻ: 9704 0507 7745 3783; 01 thẻ ATM Ngân hàng ACB mang tên T1, số thẻ: 9704 1620 0027 5865; 01 thẻ ATM Ngân hàng Đông Á mang tên T1; 01 thẻ ATM Ngân hàng Vietcombank mang tên NGUYEN QUOC T, số thẻ: 97043668 04550372 032; 02 giấy chứng nhận đăng ký xe máy biển kiểm soát 92B1-X1 và 92L9-X2.

+ Trả lại cho bị cáo T1 số tiền 34.600.000 đồng do không liên quan đến việc phạm tội, tuy nhiên cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án của bị cáo.

- Đối với các vật chứng, giấy tờ, tài sản đã tạm giữ của bị cáo N:

+ Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6 có số IMEI: 354444067141251; 01 chiếc điện thoại di động Iphone 5 số số IMEI: 013350007305695; 01 Ipad Model A1432 – Serial: DQTKCUH4F193.

+ Tịch thu tiêu hủy 02 sim số 0967600006 và 0935536921.

+ Trả lại cho bị cáo N 02 thẻ ATM Ngân hàng Vietcombank mang tên N, số thẻ: 4283 1000 0099 3681 và 97043668 07101478 026; 01 thẻ ATM Ngân hàng DONGA Bank mang tên N, số thẻ: 9704 0611 2942 7797; 06 tờ giấy mượn tiền và nhận tiền; 17 tờ hóa đơn, giấy nộp tiền (chứng từ giao dịch Ngân hàng); 01 CPU

máy tính màu đen tại quầy thu ngân tầng 1; 01 đầu thu camera tại phòng kỹ thuật tầng 2; 01 laptop hiệu Dell, do không liên quan đến việc phạm tội.

+ Trả lại cho bị cáo N số tiền 36.000.000 đồng do không liên quan đến việc phạm tội, tuy nhiên cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án của bị cáo.

- Đối với các vật chứng, giấy tờ, tài sản đã tạm giữ của bị cáo T2:

+ Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động Samsung và 01 CPU máy tính hiệu Jetek.

+ Tịch thu tiêu hủy 02 sim điện thoại số 0904072072 và 0905004858.

+ Trả lại cho bị cáo T2 01 Chứng minh nhân dân mang tên T2; 02 cuốn sổ nhỏ màu xanh được ghi chép những con số là giấy tờ, tài sản cá nhân của bị cáo T2.

- Đối với các vật chứng, giấy tờ, tài sản đã tạm giữ của bị cáo D:

+ Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6 có số IMEI: 352066062620401.

+ Tịch thu tiêu hủy 01 sim thuê bao số 0915004444.

+ Trả lại cho bị cáo D 01 chiếc điện thoại di động Iphone 5 có số IMEI: 013631003033823 có sim thuê bao số: 0902986736; 02 chiếc điện thoại di động NOKIA có IMEI lần lượt là: 356472/06/443429/4, 359968/05/082708/03; 02 sim điện thoại di động Mobiphone số 0935234017 và 0935567605 chưa qua sử dụng; 01 sim Viettel chưa qua sử dụng; 01 thẻ ATM Ngân hàng AGRIBANK mang tên NTHT, số thẻ: 9704 0507 5427 3295; 02 giấy chứng nhận đăng ký xe máy biển kiểm soát 92L8-X4 và 92B1-X5; 01 Chứng minh nhân dân và 02 giấy pháp lái xe mang tên D; 100USD; tiền Úc: 100 đô (2 tờ 50 đô) không liên quan đến hành vi phạm tội.

+ Trả lại cho bị cáo D số tiền 50.000.000 đồng không liên quan đến hành vi phạm tội, tuy nhiên cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án của bị cáo.

- Truy thu sung công quỹ Nhà nước số tiền thu lợi bất chính đối với các bị cáo, cụ thể:

+ Bị cáo T2: 2.888.000 đồng.

+ Bị cáo N: 2.900.000 đồng.

+ Bị cáo D: 100.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, nếu các bị cáo T1, HVN, T2, LTTV, VCK, NVD và T3 không chịu thi hành các khoản tiền trên (tiền phạt chính, tiền phạt bổ sung, tiền truy thu) thì hàng tháng phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

(Những vật chứng trên đang được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 18-5-2017; riêng tổng số tiền 120.600.000 đồng đang được tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước thành phố T theo Ủy nhiệm chi chuyển khoản, chuyển tiền điện tử lập ngày 11-5-2017, từ tài khoản

Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Bộ Công an chuyển cho Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T)

Các bị cáo T1, HVN, T2, LTTV, VCK, NVD và T3, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người tham gia tố tụng vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích sao bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Cục C47 Bộ Công an;
- VKSND tỉnh, thành phố;
- Tòa án tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- Phòng PV27 Công an tỉnh;
- Chi cục THADS thành phố;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu án văn.

(Đã ký)

Đặng Quốc Lộc